

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÓC SƠN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 133/2019/HS-ST
Ngày 08/11/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓC SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đỗ Duy Khoa**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Dương Văn Xuyên**.

Ông **Phạm Duy Hùng**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thu Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông **Đào Xuân Đạt** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 155/2019/TLST-HS ngày 18 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2019/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Ngô Văn T**, sinh năm 1993 tại Hà Nội. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện nay: Thôn P, xã M, huyện S, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn A và bà Lương Thị B; Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ ba; Danh chỉ bản số 376 lập ngày 13/8/2019 của Công an huyện Sóc Sơn; Tiền án, tiền sự: Tại bản án số 23/HSST ngày 02/02/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn xử phạt 42 tháng tù về tội Cướp tài sản; ra trại ngày 26/4/2018; ngày 25/5/2016 chấp hành xong phần án phí của bản án; còn 550.000 đồng tiền bồi thường cho người bị hại, không thấy người được thi hành án yêu cầu nên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn chưa thụ lý giải quyết (Chưa được xóa án tích); Nhân thân: Năm 2008, bị Công an huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xử phạt hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi trộm cắp tài sản; Năm 2010, bị Ủy ban nhân dân huyện Sóc Sơn áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 24 tháng, chấp hành xong ngày 25/2/2012; Tạm giam, tạm giữ: Không. Đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi

khỏi nơi cư trú. Hiện nay bị cáo đang cai nghiện tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện số 06, thuộc địa phận xã Tân Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội. Có mặt.

*** Bị hại:** Anh **Phan Tiến D**, sinh ngày 19/11/2000; nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện S, thành phố Hà Nội. Vắng mặt (Có đơn xin vắng mặt).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện S, thành phố Hà Nội (Mẹ anh Dũng). Vắng mặt (Có đơn xin vắng mặt).

2. Anh **Dương Văn T1**, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện S, thành phố Hà Nội. Vắng mặt (Có đơn xin vắng mặt).

3. Ông **Ngô Văn A**, sinh năm 1965; nơi cư trú: Thôn P, xã M, huyện S, thành phố Hà Nội. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 20 phút ngày 29/5/2019, anh Phan Tiến D, sinh 2000 (trú tại H, xã H, huyện S, thành phố Hà Nội) đi xe máy nhãn hiệu Honda Wave không đeo biển kiểm soát đến quán điện tử nhà chị Tạ Thị Đ, sinh 1972, ở thôn Nam Cường, xã Hiền Ninh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội chơi điện tử và để xe trong sân của quán Internet không khóa cổ, khóa càng. Đến 21 giờ 30 phút cùng ngày, anh D phát hiện xe mình bị mất cắp nên đã trình báo Công an huyện Sóc Sơn về vụ việc trên.

Quá trình xác minh làm rõ: Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 29/5/2019, Ngô Văn T, sinh 1993 (trú tại thôn P, xã M, huyện S, thành phố Hà Nội) đi xe máy cùng anh Nguyễn Thành Đ, sinh 1993 và chị Nguyễn Thị L1, sinh năm 1979 (trú tại thôn T, xã M, huyện S, thành phố Hà Nội) đến quán điện tử nhà chị Tạ Thị Đ1 để chơi điện tử. Đến nơi, anh Đ để xe máy nhãn hiệu Wave màu đỏ (không rõ biển số) trong sân của quán. Khi đang chơi điện tử thì anh Lê Hồng G, sinh 1982 (trú tại thôn Y, xã H, huyện S, thành phố Hà Nội) gọi điện cho anh Đ hỏi đang ở đâu, anh Đ nói đang chơi điện tử. Anh G có bảo anh Đ vào chờ anh G ra chơi điện tử cùng. Sau đó, anh Đ bảo T đi đón anh G. T nói không có xe nên anh Đ đưa chìa khóa xe máy cho T. T đi ra chỗ để xe máy, ngồi lên xe chiếc xe máy nhãn hiệu Wave biển số 29S6 -430.18, dùng chân đẩy xe lùi ra ngoài cổng và cắm chìa khóa vào thì biết là không phải xe của anh Đ. Quan sát không có ai để ý nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe máy để đi cầm lấy tiền tiêu xài. T ngồi lên xe tiếp tục dùng chân đẩy đi được khoảng 25m, rồi xuống đi bộ dắt xe máy đến quán sửa xe của anh Lê Trọng N, sinh năm 1980 (trú tại: thôn H, xã H, huyện S, thành phố Hà Nội) nói mất chìa khóa và thuê anh N đánh chìa khóa xe máy. Đánh xong chìa khóa xe, T điều khiển xe máy đi về. Trên đường về T điện thoại cho anh

Dương Văn T1, sinh 1993 (trú tại: thôn T, xã M, huyện S, thành phố Hà Nội) nhờ anh T1 cầm xe giúp. Khi gặp anh T1 thì T nói cần tiền chăm mẹ ốm đang nằm Bệnh viện và bảo anh T1 cho vay 2.000.000 đồng và để lại chiếc xe máy làm tin, T không nói cho anh T1 biết chiếc xe máy là do T trộm cắp được. Anh T1 đồng ý và hai bên có viết giấy vay tiền. Khi cầm xe cho anh T1 được 2.000.000 đồng, T đã chi tiêu cá nhân hết. Sau khi biết chiếc xe máy là do T trộm cắp mà có, anh T1 đã tự nguyện giao nộp chiếc xe máy cho Công an huyện Sóc Sơn.

Tại Bản kết luận định giá số 191 ngày 27/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự huyện Sóc Sơn kết luận: 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave BKS: 29S6 - 430.18, màu sơn đỏ đen bạc, số khung 1217DY747270, số máy HC12E5746333, dung tích 97, mua mới năm 2015, đăng ký lần đầu ngày 29/9/2015, còn 65% giá trị so với mới, có giá là: 11.050.000 đồng.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave mà anh D bị chiếm đoạt. Quá trình điều tra xác định được chiếc xe mang biển số 29S6 - 430.18 có chủ sở hữu là bà Nguyễn Thị L (mẹ của anh D) giao xe cho anh Phan Tiến D làm phương tiện đi lại nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại chiếc xe máy cho anh Phan Tiến D, anh D và gia đình không yêu cầu về bồi thường dân sự.

Đối với anh Dương Văn T1 là người nhận cầm xe cho T, anh T1 không biết chiếc xe máy là do T trộm cắp mà có. Nhưng hành vi nhận cầm xe máy không có giấy đăng ký của anh T là vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên Cơ quan Công an huyện Sóc Sơn đã xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền là phù hợp. Đối với số tiền 2.000.000 đồng nhận cầm xe cho T, anh T1 không có yêu cầu bồi thường về dân sự.

Đối với anh Lê Trọng N khi đánh khóa xe cho T, anh N không biết chiếc xe máy là do T trộm cắp mà có; Đối với anh Nguyễn Thành Đ và chị Nguyễn Thị L, anh Lê Hồng G không biết và không tham gia vào việc trộm cắp chiếc xe máy cùng Th nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không đề cập xử lý đối với anh N, anh Đ và chị L là có căn cứ.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ (không rõ biển số) của anh Nguyễn Thành Đ. Anh Đ khai mua chiếc xe vào khoảng tháng 5 năm 2019 của một người không quen biết khi mua có giấy đăng ký xe nhưng hai bên không viết giấy mua bán. Đến đầu tháng 6 năm 2019, do cần tiền nên anh Đ đã bán chiếc xe cho một người lạ. Anh Đ khai không nhớ số biển kiểm soát của chiếc xe máy đó. Do chiếc xe máy không phải là tang vật chứng trong vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không tạm giữ và không đề cập xử lý đối với chiếc xe máy này.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Ngô Văn T đã khai nhận toàn bộ về

hành vi của mình phù hợp với lời khai của người làm chứng, người bị hại và các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 145/CT-VKS ngày 14/10/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn đã truy tố bị cáo Ngô Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Ngô Văn T đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và xin được giảm nhẹ hình phạt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Ngô Văn A không yêu cầu bị cáo phải trả ông số tiền 2.000.000 đồng đã nộp để khắc phục hậu quả thay cho bị cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn giữ quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích nội dung, tính chất của vụ án, một lần nữa khẳng định việc truy tố bị cáo Ngô Văn T về tội danh và điều luật như Cáo trạng đã nêu là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106, Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xử phạt: Ngô Văn T từ 10 đến 13 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng vì bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định.

Về phần dân sự: Các bên đã tự giải quyết xong và không yêu cầu gì nên Tòa án không giải quyết.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 2.000.000 đồng do bị cáo phạm tội mà có.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Công an huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố

tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng và các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ kết luận:

Khoảng 19 giờ 20 phút ngày 29/5/2019, tại quán điện tử nhà chị Tạ Thị Đ ở thôn Nam Cương, xã Hiền Ninh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Ngô Văn T đã lợi dụng việc không có ai trông giữ tài sản và lén lút trộm cắp 01 chiếc xe máy biển kiểm soát: 29S6-430.18 của anh Phan Tiến D, trị giá tài sản trộm cắp 11.050.000 đồng (Mười một triệu, không trăm, năm mươi nghìn đồng). Hành vi của bị cáo đủ dấu hiệu cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, nội dung điều luật quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...”.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn truy tố bị cáo Ngô Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an. Bị cáo là người đã thành niên, nhận thức được hành vi của mình là tội phạm nhưng do lười lao động, muốn có tiền tiêu xài nên vẫn cố ý thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác. Do vậy cần phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung. Khi lượng hình, Hội đồng xét xử xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo.

[3]. Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Tại bản án số 23/HSST ngày 02/02/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn xử phạt 42 tháng tù về tội Cướp tài sản; Ra trại ngày 26/4/2018. Đến ngày 29/5/2019, bị cáo lại tiếp tục phạm tội nên lần phạm tội này của bị cáo được xác định là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo có ông nội là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì; bị cáo đã tác động gia đình nộp thay số

tiền thu lời bất chính 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) thể hiện ý thức sửa chữa, khắc phục hậu quả của bị cáo; tài sản do bị cáo trộm cắp đã được thu hồi trả cho người bị hại. Xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Đây là những căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

Về nhân thân bị cáo: Năm 2008, bị cáo bị Công an huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xử phạt hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi trộm cắp tài sản; Năm 2010, bị Ủy ban nhân dân huyện Sóc Sơn áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 24 tháng, chấp hành xong ngày 25/02/2012. Hai tiền sự này đều đã được xóa.

Căn cứ vào các quy định của Bộ luật Hình sự như đã nêu trên; căn cứ tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; căn cứ nhân thân người phạm tội, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung như đề nghị của Viện kiểm sát là thỏa đáng.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng”. Xét bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Sau khi nhận lại tài sản bị trộm cắp anh Nguyễn Tiến D và bà Nguyễn Thị L không có đề nghị gì về phần dân sự; anh Dương Văn T1 không yêu cầu gì về phần dân sự. Ông Ngô Văn A không yêu cầu bị cáo phải trả ông số tiền 2.000.000 đồng mà ông đã tự nguyện nộp thay cho bị cáo. Vì vậy, Tòa án không phải giải quyết.

[6] Về vật chứng vụ án: Đối với số tiền 2.000.000 đồng là tiền do bị cáo phạm tội có, cần phải tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Ngô Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Điều 106, 136, 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Ngô Văn T 10 (Mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Tịch thu sung công số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) do bị cáo phạm tội mà có để sung ngân sách Nhà nước. (Theo Biên lai thu tiền số AB/2015/0000963 ngày 04/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn).

Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Ngô Văn A có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Nguyễn Thị L, anh Dương Văn T1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ có quyền kháng cáo về phần có liên quan./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Sóc Sơn.
- Chi cục THADS huyện Sóc Sơn.
- Công an huyện Sóc Sơn.
- Cơ quan Thi hành án hình sự;
- Bị cáo .
- Dương sự.
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Duy Khoa